

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 – 2030**

Thực hiện Kế hoạch số 8421/KH-UBND ngày 30/9/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030. Sở Xây dựng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Tổ chức quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 8421/KH-UBND ngày 30/9/2026 của UBND tỉnh; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chính phủ và UBND tỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), giảm thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện các thủ tục phục vụ đầu tư, sản xuất, kinh doanh, góp phần khơi thông nguồn lực, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

- Đổi mới phương thức quản lý, giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của Sở theo hướng giảm chi phí tuân thủ; tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu; chuyển từ quản lý nặng về tiền kiểm sang phục vụ, hướng dẫn và hậu kiểm phù hợp với quy định pháp luật; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chất lượng và mức độ hài lòng làm thước đo hiệu quả giải quyết TTHC.

### **2. Yêu cầu**

- Triển khai đồng bộ, trọng tâm, trọng điểm; rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ tiến độ và rõ kết quả. Người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ; gắn cải cách TTHC với chuyển đổi số, phân cấp, ủy quyền, nâng cao năng lực thực thi và kiểm tra, giám sát.

- Kế thừa các nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát TTHC, chuyển đổi số đang triển khai; hạn chế trùng lặp nhiệm vụ, hệ thống thông tin và chế độ báo cáo. Việc rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC phải gắn với khả

năng khai thác dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu và điều kiện thực tế của các hệ thống thông tin đang được sử dụng.

- Bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC được thực hiện liên tục, thông suốt; kịp thời phối hợp xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết hồ sơ trên các hệ thống thông tin.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới thực chất, toàn diện công tác cải cách thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng; trọng tâm là cắt giảm, đơn giản hóa tối đa TTHC, điều kiện kinh doanh, chuyển đổi thành công phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro; tăng cường kiểm soát thực thi dựa trên dữ liệu theo thời gian thực và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ nhằm nâng cao chất lượng thể chế; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026-2030.

### 2. Mục tiêu cụ thể

- Không làm phát sinh thêm TTHC, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết.

- Công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá cải cách TTHC được thực hiện dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, gắn với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu, công chức, viên chức.

- Thực hiện rà soát, đánh giá, đơn giản hóa và kiểm soát TTHC trên môi trường số, dựa trên dữ liệu và quản lý theo vòng đời sự kiện của người dân, doanh nghiệp; bảo đảm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần. Khai thác hiệu quả Công Dịch vụ công quốc gia, góp phần vận hành thông suốt “một cửa số” của quốc gia.

**\* Đến năm 2027:** 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa và tái sử dụng dữ liệu, đồng thời bảo đảm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước. Không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ mà thông tin đã có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản công bố, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu khác. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước đủ điều kiện được thực hiện trên môi trường điện tử. 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp đủ điều kiện được thực hiện điện tử; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

**\* Đến năm 2030:** 100% dịch vụ công thiết yếu được thực hiện tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn quốc tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công; 100% dịch vụ công được cung cấp chủ động khi đã bảo đảm điều kiện về dữ liệu và hạ tầng số. Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết

TTHC đạt tối thiểu 95%; 100% phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả đúng thời hạn quy định.

*((Có biểu phụ lục I chi tiết kèm theo))*

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ**

1. Xác định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Thực hiện cải cách TTHC thống nhất, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bao gồm TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp và TTHC nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước. Gắn cải cách TTHC với kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động công vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, cục bộ, lợi ích nhóm trong xây dựng và thực thi TTHC. Gắn kết quả thực hiện cải cách TTHC với đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức.

2. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC, lấy dữ liệu làm nền tảng. Tập trung số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tăng cường kết nối, liên thông, khai thác và tái sử dụng dữ liệu nhằm giảm thành phần hồ sơ, thời gian và chi phí thực hiện TTHC. Chuẩn hóa, công khai quy trình nội bộ, quy trình điện tử thuộc phạm vi giải quyết của Sở; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tích hợp, đồng bộ dữ liệu và vận hành thông suốt trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Thường xuyên rà soát thẩm quyền, quy trình giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng để kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh khi có thay đổi về pháp luật, tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền; bảo đảm việc giải quyết TTHC đúng thẩm quyền, không phát sinh khâu trung gian, không làm gián đoạn việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của người dân, doanh nghiệp. Chủ động rà soát, bố trí nhân lực phù hợp với khối lượng hồ sơ thực tế.

4. Gắn kiểm soát TTHC với việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý, giải quyết của Sở. Tăng cường kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại các phòng, đơn vị trực thuộc; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc tham mưu xử lý tình trạng phát sinh thêm thành phần hồ sơ, yêu cầu hoặc quy trình giải quyết ngoài quy định; bảo đảm công khai, minh bạch và tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật.

5. Tăng cường thông tin, tuyên truyền về TTHC và cải cách TTHC; tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp tham gia góp ý, phản hồi, đánh giá trong quá trình thực hiện TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Sở. Chú trọng tiếp nhận, tổng hợp và xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về quy định và việc thực hiện TTHC. Chủ động tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đề xuất, sáng kiến của người dân, doanh nghiệp để nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn thiện quy định và đơn giản hóa TTHC.

6. Chủ động rà soát các TTHC, điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực xây

dựng và các lĩnh vực được giao quản lý; kịp thời tổng hợp, kiến nghị Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh cắt giảm, đơn giản hóa những quy định không còn phù hợp, không cần thiết, gây khó khăn, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý của Sở, bảo đảm không làm phát sinh thêm TTHC, thành phần hồ sơ, điều kiện kinh doanh ngoài quy định; đẩy mạnh đơn giản hóa TTHC trên cơ sở khai thác, sử dụng dữ liệu.

7. Phối hợp rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, thiết bị và bảo đảm an toàn thông tin phục vụ giải quyết TTHC trực tuyến; kịp thời phối hợp với cơ quan quản lý hệ thống để xử lý các lỗi kỹ thuật, tình trạng đồng bộ dữ liệu, thanh toán trực tuyến, trả kết quả điện tử và các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống chuyên ngành.

8. Tham mưu công bố, công khai các TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Sở Xây dựng; rà soát, đề xuất và tham mưu tổ chức thực hiện các TTHC đủ điều kiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC thuận lợi, thông suốt cho người dân, doanh nghiệp.

*(Có biểu phụ lục II chi tiết kèm theo)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở**

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nội dung được phân công tại Kế hoạch này; chủ động rà soát các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực phụ trách; kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý những quy định bất cập, chồng chéo, không còn phù hợp, gây khó khăn hoặc làm phát sinh chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Phối hợp với Văn phòng Sở trong tham mưu cấp có thẩm quyền công bố, công khai, rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, khai thác, tái sử dụng dữ liệu và cập nhật thông tin trên các hệ thống thông tin theo quy định.

Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý hoặc phối hợp xử lý các phản ánh, kiến nghị, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao về Văn phòng Sở để tổng hợp.

### **2. Văn phòng Sở**

Chủ trì, phối hợp các phòng, đơn vị tham mưu triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tế cơ quan, đơn vị.

Theo dõi, đôn đốc các phòng chuyên môn, đơn vị trong việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; phối hợp xử lý các vấn đề về

kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và vận hành các hệ thống thông tin liên quan.

Chủ trì tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kịp thời tham mưu lãnh đạo Sở xem xét, giải quyết; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026-2030 của Sở Xây dựng, yêu cầu các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Sùng Thị Sua**



**MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 258/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 5467/KH-SXD, ngày 08/10/2026 của Sở Xây dựng)

| STT | Mục tiêu/chỉ tiêu                                                                                                                                                    | Kết quả          | Thời hạn                       | Đơn vị chủ trì theo dõi      | Đơn vị phối hợp              | Căn cứ theo dõi                                                                                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Không phát sinh thêm TTHC, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết sau cắt giảm.                                            | Không phát sinh  | Thường xuyên                   | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở                 | Kiểm soát dự thảo quy định                                                                                            |
| 2   | TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình                                                                                                   | 100%             | Năm 2027                       | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Danh mục TTHC đủ điều kiện, hồ sơ tham mưu công bố/công khai và kết quả triển khai trên hệ thống                      |
| 3   | Kết quả giải quyết TTHC được số hóa và tái sử dụng dữ liệu, bảo đảm bảo vệ bí mật nhà nước.                                                                          | 100%             | Năm 2027                       | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở                 | Kết quả giải quyết TTHC được số hóa, cập nhật trên Hệ thống; dữ liệu được khai thác, tái sử dụng theo quy định        |
| 4   | Không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ có thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản công bố, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu khác. | Thực hiện đầy đủ | Năm 2027; duy trì thường xuyên | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở                 | Quy trình, thành phần hồ sơ TTHC được rà soát; giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu |
| 5   | TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước                                                                                                                     | 100%             | Năm 2027                       | Các phòng chuyên môn,        | Văn phòng Sở                 | Danh mục TTHC nội bộ đủ điều kiện thực hiện điện tử; hồ                                                               |

|    |                                                                                                                                  |                    |              |                              |                              |                                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------|------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|    | đủ điều kiện thực hiện trên môi trường điện tử.                                                                                  |                    |              | đơn vị                       |                              | sơ, quá trình xử lý được thực hiện, theo dõi trên môi trường điện tử             |
| 6  | Chế độ báo cáo của doanh nghiệp đủ điều kiện được thực hiện điện tử.                                                             | 100%               | Năm 2027     | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở                 | Danh mục chế độ báo cáo; số liệu tiếp nhận điện tử trên hệ thống được sử dụng.   |
| 7  | Thông tin, giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước. | 100%               | Năm 2027     | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở                 | Quy trình khai thác lại; đối chiếu hồ sơ                                         |
| 8  | Dịch vụ công được cung cấp chủ động khi đã bảo đảm điều kiện dữ liệu và hạ tầng số                                               | 100%               | Năm 2030     | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Danh mục đủ điều kiện; dịch vụ chủ động được triển khai, kết quả sử dụng thực tế |
| 9  | Đánh giá cải cách TTHC dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, gắn trách nhiệm thực thi.                                           | Triển khai đồng bộ | Thường xuyên | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Dữ liệu theo dõi, đối soát; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện TTHC            |
| 10 | Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết TTHC             | Tối thiểu 95%      | Năm 2030     | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Kết quả đo lường, đánh giá mức độ hài lòng; báo cáo kết quả thực hiện            |
| 11 | Phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính được xử lý và công khai kết quả đúng                                                  | 100%               | Hàng năm     | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở                 | Kết quả xử lý, trả lời và công khai đúng thời hạn                                |

|    |                                                                                                |                      |              |                              |              |                                                                                                                                      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------|------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | thời hạn.                                                                                      |                      |              |                              |              |                                                                                                                                      |
| 12 | Rà soát, đơn giản hóa, kiểm soát TTHC trên môi trường số, dựa trên dữ liệu và vòng đời sự kiện | Triển khai đồng bộ   | Thường xuyên | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở | Báo cáo rà soát; hồ sơ tham mưu công bố, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC; Quyết định công bố TTHC                            |
| 13 | Khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia hiệu quả, góp phần vận hành “một cửa số” của quốc gia     | Liên tục, thông suốt | Thường xuyên | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở | Theo dõi, khai thác dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hồ sơ TTHC được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả và theo dõi trên hệ thống |



**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 258/NQ-CP NGÀY 31/8/2026 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Kế hoạch số: 5467/KH-SXD, ngày 08/10/2026 của Sở Xây dựng)

| TT | Mục tiêu                                                                                      | Kết quả/ Sản phẩm                                                                                                                         | Đơn vị chủ trì               | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|---------------------|---------|
| 1  | Kiểm soát quy định TTHC trong dự thảo văn bản; rà soát việc thực thi quy định đã cắt giảm.    | Ý kiến tham gia, hồ sơ rà soát, đánh giá tác động quy định TTHC (đối với trường hợp có quy định TTHC) và kết quả kiểm soát việc thực thi. | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở    | Thường xuyên        |         |
| 2  | Lập danh mục thành phần hồ sơ có thể thay bằng dữ liệu, ưu tiên TTHC tần suất cao, liên thông | Bảng đối chiếu từng TTHC, giấy tờ, cơ sở dữ liệu, căn cứ pháp lý, điều kiện kết nối, tiến độ thực hiện                                    | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở    | Thường xuyên        |         |
| 3  | Tái cấu trúc quy trình TTHC dựa trên dữ liệu                                                  | Phương án/tài liệu rà soát, tái cấu trúc quy trình; hồ sơ tham mưu điều chỉnh, công bố hoặc cập nhật quy trình theo thẩm quyền (nếu có)   | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở    | Thường xuyên        |         |
| 4  | Số hóa, ký số kết quả; chuẩn hóa, làm sạch và khai thác lại dữ liệu.                          | 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa, tái sử dụng dữ liệu                                                                             | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở    | Thường xuyên        |         |

| <b>TT</b> | <b>Mục tiêu</b>                                                                                                                                                                                                | <b>Kết quả/ Sản phẩm</b>                                                                             | <b>Đơn vị chủ trì</b>        | <b>Đơn vị phối hợp</b>       | <b>Thời gian thực hiện</b>            | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|----------------|
| 5         | TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính                                                                                                                                                             | Tờ trình; dự thảo Quyết định công bố                                                                 | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Thường xuyên                          |                |
| 6         | Lựa chọn, triển khai dịch vụ công chủ động theo vòng đời sự kiện                                                                                                                                               | Danh mục đủ điều kiện; dịch vụ hoạt động theo hướng dẫn, đạt chỉ tiêu năm 2030                       | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Rà soát năm 2027; mở rộng 2028 - 2030 |                |
| 7         | Chuẩn hóa TTHC nội bộ, đưa quy trình đủ điều kiện lên môi trường điện tử                                                                                                                                       | Danh mục và quy trình nội bộ; 100% thủ tục đủ điều kiện thực hiện điện tử.                           | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Thường xuyên                          |                |
| 8         | Rà soát, đơn giản hóa chế độ báo cáo doanh nghiệp; thực hiện điện tử, khai thác lại thông tin.                                                                                                                 | Danh mục báo cáo, nội dung trùng lặp được xử lý; 100% chế độ đủ điều kiện thực hiện điện tử.         | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở                 | 2026-2027                             |                |
| 9         | Rà soát thẩm quyền, quy trình giải quyết TTHC thuộc phạm vi giải quyết của Sở; kịp thời tham mưu điều chỉnh khi có thay đổi về quy định pháp luật, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và quy trình nghiệp vụ. | Danh mục, báo cáo rà soát; hồ sơ tham mưu điều chỉnh quy trình, thẩm quyền giải quyết TTHC (nếu có). | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Thường xuyên                          |                |

| TT | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                 | Kết quả/ Sản phẩm                                                                                                                                                  | Đơn vị chủ trì               | Đơn vị phối hợp              | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------|---------|
| 10 | Truyền thông; tham vấn, đối thoại với doanh nghiệp, người dân; tiếp nhận, xử lý và công khai phản ánh, kiến nghị.                                                                                                        | Nội dung truyền thông; biên bản đối thoại; danh mục kiến nghị có đầu mối, hạn xử lý và kết quả công khai. 100% phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, xử lý đúng hạn. | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Văn phòng Sở                 | Thường xuyên        |         |
| 11 | Cập nhật, công khai, tuyên truyền TTHC và kết quả cải cách TTHC trên Trang thông tin điện tử của Sở; xây dựng, duy trì chuyên mục/hình thức thông tin trực quan, dễ tiếp cận; kịp thời cập nhật khi có thay đổi về TTHC. | Chuyên mục, tin, bài, tài liệu hướng dẫn; thông tin TTHC được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của Sở                                        | Văn phòng Sở                 | Các phòng chuyên môn, đơn vị | Thường xuyên        |         |